

TỈNH BẾN TRE

Bản án số: 05/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 07/02/2018.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Oanh.

2. Bà Lê Thị Hồng Nhan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Châm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 02 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình đã thụ lý số: 271/2017/TLST-HNGĐ, ngày 02/10/2017 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 23/01/2018. Giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Dương Thị Ngọc H, sinh năm 1996 (có mặt).

Trú tại: ấp A, xã A1, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Trần Nhật Long H là Luật sư của Văn phòng luật sư H N thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bến Tre (có mặt).

2. *Bị đơn:* Trần Tấn C, sinh năm 1988 (có mặt).

Trú tại: ấp Đ, xã T, huyện M1, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 29/9/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Dương Thị Ngọc H trình bày: chị và anh C do gia đình mai mối và có tự quen biết tìm hiểu nhau khoảng 06 tháng nên tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2015, có đăng ký kết

hôn tại Ủy ban nhân dân xã A1, huyện M vào ngày 12/5/2015. Sau khi kết hôn, chị và anh C sống chung với gia đình anh C tại ấp Đ, xã T, huyện M1 và sống hạnh phúc được khoảng 06 tháng thì mất hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống, anh C quản lý khắc khe về kinh tế, không chăm lo phát triển kinh tế gia đình, anh C còn thường hay cờ bạc dẫn đến việc vợ chồng chị thường xuyên cãi vã nhau và anh C còn thường hay xua đuổi chị. Vợ chồng chị đã ly thân khoảng gần 01 năm nay, chị đã đưa con về nhà cha mẹ ruột sinh sống tại ấp A, xã A1, huyện M từ tháng 5 năm 2017 cho đến nay. Thời gian ly thân, chị và anh C không có bàn bạc thỏa thuận hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay chị xét thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nữa, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng với nhau nên yêu cầu được ly hôn với anh C.

Về con chung: có 01 con chung tên Trần Thị Yến N, sinh ngày 30/3/2016, hiện đang sống chung với chị tại ấp A, xã A1, huyện M, tỉnh Bến Tre; sau khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Chị có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con, chị đang phụ giúp cha mẹ ruột công việc mua bán trứng gà và gà con tại nhà cha mẹ ruột, thu nhập mỗi tháng trung bình được cha mẹ cho khoảng 6.000.000 đồng; cha mẹ ruột của chị có khoảng 05 công đất vườn; còn anh C thì thường hay vắng nhà nên không có điều kiện chăm sóc con. Nếu Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi con thì chị sẽ cho anh C đến thăm con, chị và gia đình ruột của chị sẽ không ai ngăn cản anh C thăm nom con nhưng việc anh C đưa rước con về nhà cha mẹ ruột anh C thì còn phải tùy theo thái độ bên gia đình ruột anh C cư xử tốt thì chị mới đồng ý cho rước con; bởi vì thời gian trước đây khi chị nộp đơn ly hôn lần đầu với anh C vào tháng 3 năm 2017 thì anh C và gia đình ruột anh C đã từng ngăn cản chị đến thăm và rước con, không cho chị vào nhà anh C để thăm con. Cách nay khoảng 02 tháng, anh C có đến nhà cha mẹ ruột chị để thăm con, chị vẫn đồng ý cho anh C thăm con nhưng anh C không vào trong nhà thăm con mà ngồi ở bên ngoài, sau đó tự ý bỏ về, gia đình ruột chị hoàn toàn không có cản trở anh C thăm nom con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là Luật sư Trần Nhật Long H trình bày: về hôn nhân: đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị H và anh C; về con chung: thời gian ly thân, chị H đến thăm nom và rước con nhưng gia đình anh C không cho chị H vào nhà để thăm nom con mà không đưa ra lý do chính đáng; anh C không cung cấp được tài liệu, chứng cứ

chứng minh gia đình ruột chị H có hành vi gây rối trong lúc gia đình ruột chị H đến thăm nom con, cũng như chứng minh ai là người thực hiện hành vi gây rối. Trong thời gian chị H đang trực tiếp nuôi con, anh C không có gửi tiền hay tài sản nào khác để phụ nuôi con với chị H; anh C không chứng minh được chị H không đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con cũng như không chứng minh được anh C có thu nhập ổn định mỗi tháng trên 6.000.000 đồng để đảm bảo điều kiện nuôi con; chị H cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh chị có thu nhập hàng tháng ổn định chứ không phụ thuộc chính vào gia đình; chị H đảm bảo việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tốt hơn anh C do anh C thường xuyên đi mua bán nên ít có thời gian trông nom, chăm sóc con. Hơn nữa, cháu N hiện tại chưa đủ 36 tháng tuổi nên căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cho chị H được trực tiếp nuôi con.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn anh Trần Tấn C trình bày: Anh C thống nhất với trình bày của chị H về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn, quá trình sống chung và có 01 con chung. Nhưng nguyên nhân chị H xin ly hôn là do chị H đã tự ý bỏ về nhà cha mẹ ruột sống, anh không có tham gia cờ bạc như chị H trình bày, anh cũng không xác định được nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn mất hạnh phúc là vì lý do nào. Vợ chồng anh đã ly thân khoảng 10 tháng nay, chị H đã đưa con về nhà cha mẹ ruột sinh sống tại ấp A, xã A1, huyện M từ tháng 5 năm 2017 cho đến nay, theo thỏa thuận tại Ủy ban nhân dân xã T là mỗi bên nội ngoại sẽ trông nom, chăm sóc con là cháu N thời gian là 03 ngày nhưng chị H và gia đình ruột chị H không thực hiện theo cam kết. Thời gian ly thân, anh và chị H không có bàn bạc thỏa thuận hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay chị H xin ly hôn anh cũng đồng ý vì anh xét thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nữa, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng với nhau.

Về con chung: anh C yêu cầu được trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con, anh có đủ điều kiện về kinh tế để nuôi con, anh làm nghề mua bán chim cảnh và đôi khi còn đi ghe bơm cát có thu nhập trung bình mỗi tháng trên 6.000.000 đồng, anh mua bán có đăng ký kinh doanh và có nhà riêng để mua bán (gần nhà cha mẹ ruột), anh còn sống chung nhà với cha mẹ ruột, do đó anh đủ điều kiện để nuôi con. Nếu Tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp nuôi con thì anh sẽ cho chị H đến thăm con, còn việc rước con về nhà cha mẹ ruột của chị H thì chị H được quyền rước con nhưng phải giao trả con đúng hạn. Anh

không đồng ý cho chị H trực tiếp nuôi con vì 10 tháng nay chị H và gia đình ruột chị H không cho anh thăm nom con lần nào; cách nay khoảng 02 tháng anh có đến nhà cha mẹ ruột chị H để thăm con nhưng cha ruột chị H không cho anh vào trong nhà thăm con mà xua đuổi anh về, gia đình ruột chị H đã có hành vi cản trở anh trong việc thăm nom con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 55, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cụ thể: về hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Dương Thị Ngọc H và anh Trần Tấn C; về con chung: chị H được trực tiếp nuôi con là cháu Trần Thị Yến N, sinh ngày 30/3/2016, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu; về tài sản chung, nợ chung: không có nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị Dương Thị Ngọc H và anh Trần Tấn C trên cơ sở mai mối và có thời gian quen biết, tìm hiểu nhau nên cả hai tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A1, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 12/5/2015. Xét thấy, hôn nhân của chị H và anh C tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật hôn nhân gia đình nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2] Sau khi kết hôn, chị H và anh C có thời gian sống hạnh phúc và có với nhau 01 con chung nhưng vì những mâu thuẫn trong cuộc sống gia đình mà đã dẫn đến việc chị H xin ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị H và anh C đều cho rằng đời sống chung của anh chị không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và đều có nguyện vọng được ly hôn với nhau. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55, 56 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn của chị H và anh C là phù hợp.

[3] Về nuôi con chung: chị H và anh C có 01 con chung là cháu Trần Thị Yến N, sinh ngày 30/3/2016. Sau khi ly hôn, chị H và anh C đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy: căn cứ vào lời khai của chị H và anh C có cơ sở xác định: từ tháng 5 năm 2017, chị H và anh C đã ly thân nhau, thời điểm này cháu N đã sống chung với chị H tại nhà cha mẹ ruột của chị ở ấp A, xã A1, huyện M, tỉnh Bến Tre cho đến nay. Đồng thời, cả chị H và anh C đều không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh thu nhập trung bình mỗi tháng của mỗi người cụ thể là bao nhiêu do anh chị

đều còn sống chung với cha mẹ ruột, không có tài sản riêng có giá trị lớn cũng như mức thu nhập ổn định. Đồng thời, căn cứ vào đơn xin xác nhận đề ngày 15/12/2017 do chị H cung cấp có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã A1 thể hiện chị H đang phụ giúp cha mẹ ruột công việc mua bán trứng gà và gà con tại nhà cha mẹ ruột nên chứng minh chị có điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; lý do anh C không đồng ý cho chị H được trực tiếp nuôi con là vì anh cho rằng: gia đình ruột chị H đã có hành vi cản trở anh trong việc thăm nom con, chị H còn sống phụ thuộc gia đình và không có nghề nghiệp ổn định nên không đủ điều kiện để trực tiếp nuôi cháu N nhưng anh C không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh gia đình ruột chị H đã có hành vi cản trở anh trong việc thăm nom con cũng như chứng minh cho việc chị H không đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con. Ngoài ra, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “b)... Lao động của vợ, chồng trong gia đình được coi như lao động có thu nhập”; căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”.

[4] Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: từ tháng 5 năm 2017 cho đến nay, cháu N đã sống chung với chị H, hiện tại cháu N vẫn chưa đủ 36 tháng tuổi và chị H cũng đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N. Do đó, để đảm bảo quyền lợi cho sự phát triển về thể chất và sự phát triển tốt về tinh thần cho cháu N nên Hội đồng xét xử giao cháu N cho chị H được trực tiếp nuôi là hoàn toàn phù hợp. Việc chị H không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con là sự tự nguyện của chị nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung: chị H và anh C đều trình bày là không có nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: chị H và anh C đều trình bày là không có nên không đề cập.

[7] Xét thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

[8] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: chị H phải chịu theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 55, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Dương Thị Ngọc H và anh Trần Tấn C.

Về nuôi con chung: chị Dương Thị Ngọc H được trực tiếp nuôi con là cháu Trần Thị Yến N, sinh ngày 30/3/2016, hiện cháu N đang sống chung với chị H; anh Trần Tấn C không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: chị H và anh C đều trình bày là không có nên không xem xét.

Về nợ chung: chị H và anh C đều trình bày là không có nên không đề cập.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: chị Dương Thị Ngọc H phải nộp 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 000xxxxx ngày 02/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc nên chị không còn phải nộp thêm.

Án phí sung vào công quỹ Nhà nước.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc;
- UBND xã A1, huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu (HS, VP).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Ngọc Đạt